TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-PT
Ngày: 05-02-2018
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Hợp

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Như

Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Huyên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Cao Bằng Giang - Kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2017 về Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Triệu Quốc T Sinh năm: 1973

Địa chỉ: Khuổi L, Cao C, huyện X, Cao Bằng. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Đình - Văn phòng Luật sư Nguyễn Đình, Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Linh Văn K. Sinh năm: 1956

Địa chỉ: Khuổi L, Cao C, huyện X, Cao Bằng. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Vương Bá Hùng - Văn phòng Luật sư Vương Bá Hùng, Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Đại diện phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X, tỉnh Cao Bằng: Ông Lưu Văn H - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X. Có mặt.

2. Đại diện UBND xã Cao C, huyện X, tỉnh Cao Bằng: Ông Hoàng Văn R, cán bộ địa chính. Có mặt.

3. Bà Nông Thị V (vợ ông Linh Văn K).

Địa chỉ: Khuổi L Cao C, huyện X, Cao Bằng. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Trần Thị S

Địa chỉ: Y, Cao C, huyện X, Cao Bằng. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Linh Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2016 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Triệu Quốc T trình bày:

Ngày 11/12/1990, bố đẻ anh T là Triệu Chính N có mua mảnh đất tại ngã ba Kéo Nạc đường vào Khuổi L với ông Hoàng Văn C, trú tại xóm Y, xã Cao C, huyện X. Ông Linh Văn S là người chuyển nhượng đất cho ông Hoàng Văn C và có đất giáp ranh. Do không có phương tiện đo đạc nên trong giấy chuyển nhượng không ghi diện tích mà hai bên thống nhất ranh giới, mốc trên thực địa: Phía Bắc tiếp giáp với đường liên xã Kéo Nạc- Quang Vinh; Phía Đông tiếp giáp với đường Quốc lộ 3 cũ (nay là quốc lộ 34); phía Tây và phía Nam tiếp giáp với đất đồi của ông Linh Văn S, có người làm chứng.

Sau khi mua gia đình anh T đã cải tạo làm N nhà, canh tác trên phần đất của gia đình. Từ năm 1993, ông Linh Văn K (Con ông Linh Văn S) gây khó khăn và chiếm đoạt một phần đất ở phía Nam ước khoảng 140m² (Chiều rộng theo Quốc lộ ước khoảng 8m, chiều sâu vào khoảng 18m), vượt qua cái mả là ranh giới rõ ràng nhất được ghi trong giấy chuyển nhượng năm 1990.

Hiện nay mảnh đất đứng tên bà Hoàng Thị H trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm 02 thửa, thửa 202 và 205, tờ bản đồ số 4 (mẹ đẻ anh T đã mất năm 2010), anh là người thừa kế.

Tháng 9/2006, ông K đã thuê người phá hàng rào lấn vào trong phần đất gia đình anh để chặt cây lâu năm phần phía Nam thửa đất 202 hiện nay. Đến năm 2008 - 2009 ông K lấn sang thửa đất số 205. Anh T đã yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Cao C giải quyết.

Ngày 05/6/2016 gia đình ông Linh Văn K cho máy xúc múc bờ rào phần đất của nhà anh T, ông K cho rằng đó là phần đất của ông.

Ngày 08/7/2016 Ủy ban nhân dân xã Cao C đến hòa giải kết luận: Dưới ta ly trở ra là của gia đình ông T; trên ta luy là của gia đình ông K.

Anh T không nhất trí và khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Linh Văn K:

1. Trả lại phần đất của ông K đã lấn chiếm của gia đình từ năm 1993 với diện tích khoảng 140m² phần tiếp giáp phía Nam thửa 202 và 205 thẳng từ chân đồi, vòng qua sau cái mả thẳng xuống Quốc lộ 3 cũ (Quốc lộ 34) hiện nay nằm trong phần bìa đỏ ông K; Giữ nguyên hiện trạng phần đất của gia đình từ gốc cây xoan, bờ rào theo rãnh mương tại thửa 205.

2.Yêu cầu ông K rút các loại đơn từ vu khống gửi các cấp liên quan để trả lại danh dự và uy tín cho anh. Trả lại cuộc sống bình yên cho gia đình anh, bồi thường mất danh dự và uy tín do ông K gây ra.

Tại đơn phản tố ngày 09/10/2016 và các lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn Linh Văn K không nhất trí yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trình bày:

Gia đình ông có thửa đất lâm nghiệp tại xóm Khuổi L, xã Cao C, huyện X, tỉnh Cao Bằng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/10/2009 tờ số 1 tại thửa 112 diện tích 13.288m². Ông K đã sử dụng thửa đất từ năm 1973. Từ khoảng những năm 2000 đến 2014 ông Triệu Quốc T đã nhiều lần lấn sang đất của gia đình ông với diện tích như sau (tính theo hướng nhà và đất của anh Triệu Quốc T): Về phía Tây lấn sang khoảng hơn 25m theo hướng Bắc - Nam, sâu khoảng 6m; Về phía Nam lấn sang khoảng 2m, dọc theo chiều dài của thửa đất khoảng 30m theo hướng Đông - Tây; Góc nhà hiện nay đã lấn sang đất nhà ông rộng 3m theo chiều mặt đường, sâu khoảng 6m theo hướng Đông - tây.

Năm 2004, mẹ của Triệu Quốc T là Hoàng Thị H (đã chết) xin trồng hàng cây gai lên phần đất của gia đình ông K và sẽ phá hàng rào khi ông có nhu cầu sử dụng. Nhưng hiện nay Triệu Quốc T đã không trả lại mà còn cho rằng ông đã lấn sang đất của anh T.

1. Yêu cầu ông Triệu Quốc T trả lại cho ông những phần đất T đã lấn chiếm. Theo ông tự xác định mốc bị lấn chiếm là 318,5 m^2

2. Đề nghị giải quyết tranh chấp theo giấy tờ gốc mua bán của gia đình Triệu Quốc T và bản đồ địa chính trước năm 2000.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông Thị V vợ ông K nhất trí ý kiến của ông K.

Người làm chứng bà Trần Thị S trình bày: Khai báo khi chuyển nhượng không ghi diện tích cụ thể lấy bụi tre, cái mộ làm mốc giới. Còn phần đất sau cái mả là do ông Linh Văn S (bố ông K) quản lý.

Tại biên bản và sơ đồ thẩm định ngày 04/4/2017 và thẩm định lại ngày 08/8/2017 và sơ đồ Trích đo địa chính thửa đất tranh chấp giữa hộ gia đình ông Triệu Quốc T và hộ gia đình ông Linh Văn K (Hệ tọa độ VN2000, khu vực xóm Khuổi L, xã Cao C, huyện X, tỉnh Cao Bằng. (Thửa đất số 202, 205, tờ bản đồ số 04 (526557-5-d) ngày 18/8/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Cao Bằng thể hiện:

Đường cọc gỗ là do ông Linh Văn K chỉ đo theo yêu cầu vì ông K cho rằng diện tích theo cọc gỗ thì anh T lấn chiếm đất của ông K có diện tích là: 318,5m²; đường gạch liền màu đen do ông Triệu Quốc T chỉ là nhận hiện trạng của thửa đất; đường vạch màu đỏ nối hiện trạng thẳng ra quốc lộ 34 do ông T chỉ cho rằng ông K đã lấn sang đất của ông theo sơ đồ với diện tích là: 131,6m². Sơ đồ thể hiện số diện tích đất hiện trạng hai thửa đất 202, 205, tờ bản đồ số 04 mang tên Hoàng Thị H so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhiều hơn trên bản đồ địa chính là 184,5m².

Vụ án đã được hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án số 05/2017/DS-PT ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện X đã:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 92; Điều 146; Điều 147 và Điều 155 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100; Điều 101; Khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013.

- Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Quốc T, trú tại: Khuổi L, xã Cao C, huyện X, tỉnh Cao Bằng về việc đòi ông Linh Văn K trả lại số diện tích đất là: 131,6m².

2. Không chấp nhận phản tố của ông Linh Văn K yêu cầu ông Triệu Quốc T trả lại số diện tích đất là 318,5m².

- Xác nhận anh Triệu Quốc T, trú tại: Khuổi L, xã Cao C, huyện X, tỉnh Cao Bằng được sử dụng hợp pháp diện tích theo hiện trạng diện tích hai thửa đất 202, 205, tờ bản đồ số 04 và cộng số diện tích 184,5².

(vị trí hiện trạng, số đo và tứ cận của diện tích hai thửa đất 202 và thửa 205 cộng với diện tích 184,5m² có biên bản việc xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện X, Cao Bằng ngày 08/8/2017 và trích đo địa chính thửa đất tranh chấp ngày 18/8/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Cao Bằng kèm theo; Sơ đồ hiện trạng trên là một phần của bản án không thể tách rời).

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 10 năm 2017 bị đơn Linh Văn K có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Cao Bằng, yêu cầu thẩm định lại toàn bộ thửa đất của ông để làm rõ sự lấn chiếm 184,5m^2 nhưng sau đó ông K thay đổi yêu cầu kháng cáo chỉ đòi 107,1m^2 đất.

Tại phiên tòa, bị đơn Linh Văn K và luật sư trình bày nội dung và căn cứ của việc kháng cáo: Giấy tờ mua bán đất của ông N bố anh T với ông C không

ghi diện tích cụ thể, năm 2004 khi kê khai cấp đổi GCNQSD đất diện tích đã tăng lên, lần đầu thửa 202 có diện tích 390m^2 đến 2004 tăng lên là 405m^2; thửa 205 diện tích ban đầu là 325m^2 tăng lên 442,6m^2. Sự gia tăng diện tích là do lấn chiếm đất ông K vì đất ông K ở trên cao chỉ có ông T lấn dần lên.Về mốc giới trong giấy mua bán đất ban đầu có 03 bụi tre gia đình ông T đã tự xóa bỏ hết chỉ còn ngôi mộ. Khi mẹ T còn sống đã xin gia đình ông K trồng hàng rào gai trên đất khi có nhu cầu sẽ trả lại đất. Bản án sơ thẩm căn cứ vào hàng rào xác định đất cho anh T là không đúng.

UBND xã hòa giải cũng nhất trí đất trên ta luy là của ông K. Bản án sơ thẩm xử cho T sử dụng 184,5m^2 đất ông không nhất trí. Ngày 15/01/2018 ông K thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị ông T trả lại 107,1m^2 đất, cụ thể là (9,2m^2 +15,8m^2+2,1m^2) theo sơ đồ chi tiết của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Cao Bằng ngày 18/8/2017.

Nguyên đơn Triệu Quốc T và luật sư không nhất trí yêu cầu kháng cáo của ông K và trình bày: Bố anh mua đất với ông C chứ không mua với ông K. Gia đình đã quản lý, sử dụng từ năm 1990 đến nay. Có cải tạo san gạt nhiều lần, trước kia vườn chia thành 3 bậc nay thành 01 thửa bằng phẳng nên diện tích có tăng thêm nhưng chỉ trong ranh giới đã xác định từ năm 1990 là có mương, hàng rào gai bao quanh; ông K cũng trồng cây sa mộc song song và xen kẽ với hàng rào gai. Khi ông thuê máy xúc san gạt gia đình ông K không có ý kiến gì. Hàng rào gai có từ năm 1993 đến nay không thay đổi. Hơn nữa, hiện nay phương tiện đo đạc hiện đại, chính xác hơn nên diện tích cũng tăng thêm. Không nhất trí trả lại 107,1m^2 đất như ông K yêu cầu.

Đại diện phòng tài nguyên và môi trường huyện X có ý kiến: Việc mua bán đất giữa ông N và ông C đã xác lập từ trước. Anh T và ông K chỉ là người thừa hưởng sau này. Sau khi mua gia đình anh T quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay. Trước đây cấp đất vườn không đo bờ thửa nên sau khi san gạt diện tích tăng thêm, ngoài ra ông T xây kè ở phần đất tiếp giáp đường đi Lưu Ngọc và san bằng nên sự gia tăng diện tích là có cơ sở và không lấn sang đất ông K vì chỉ cải tạo trong phạm vi, bờ thửa xác định từ 1993. Hai bên nên thỏa thuận giải quyết cho hợp tình hợp lý.

Cán bộ địa chính đại diện cho UBND xã Cao C có ý kiến: Khi giải quyết tranh chấp ở xã, chưa đo đạc cụ thể nên chưa biết diện tích trong bìa đỏ của ông T tăng lên hay không nên mới kết luận đất trên ta luy là của ông K và mục đích cũng để hai bên giải quyết tình cảm với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng có ý kiến: Khi ông N mua đất với ông C chỉ xác định bằng mốc giới, sau khi mua quản lý sử dụng ổn định không có tranh chấp. ranh giới là hào đất và hàng cây gai không có sự thay đổi. Ông K cho rằng bà H mượn đất trồng gai nhưng không có tài liệu chứng minh. Ông T đã phá bỏ 03 bụi tre và san gạt nên diện tích đất tăng thêm. Theo quy định tại Điều 175 BLDS thì các bên phải có nghĩa vụ tôn trọng ranh giới đã được xác định là hàng rào gai và hàng cây sa mộc từ năm 1993. Về sự gia tăng diện tích đất của ông T là bên trong ranh giới nên bản án sơ thẩm bác yêu cầu phản tố của ông K là đúng, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông K. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS để giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Anh T khởi kiện đòi lại đất cho rằng ông K lấn chiếm, ông K có đơn phản tố không nhất trí và đòi anh T trả lại diện tích tranh chấp là 318m^2 đất. Cấp sơ thẩm giải quyết trong cùng một vụ án là đúng pháp luật.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông K đòi lại 107,1m^2 đất:

[1]. Nguồn gốc đất và quá trình sử dụng: Thửa đất số 202 và 205 là do bố anh T mua với ông Triệu Chính N. Trong giấy tờ mua bán viết tay ngày 11/12/1990 không thể hiện diện tích cụ thể mà chỉ ghi mốc giới là là 03 bụi tre, cây sâu sâu và cái mả nhưng không thể hiện rõ ai là người được sử dụng phần đất có ngôi mộ đó. Phía ông T và UBND xã đều cho rằng sau khi mua, gia đình ông T đã sử dụng ổn định, các mốc giới như bụi tre và ngôi mộ không thay đổi; sự cải tạo, san gạt của gia đình ông T là trong phạm vi đất đã mua. Tại cấp phúc thẩm, đại diện Phòng Tài nguyên môi trường Huyện X và cán bộ địa chính xã Cao C có ý kiến về quá trình sử dụng đất của hai bên, năm 2009 gia đình ông K mới tranh chấp. Ngày 02/6/2009 UBND xã giải quyết tranh chấp giữa hai bên kết luận đất

trên ta luy là của ông K, bên dưới là của ông T là chưa qua đo đạc cụ thể nên chưa chính xác, do vậy biên bản hòa giải chỉ là một trong những căn cứ để xem xét. Như vậy có căn cứ khẳng định gia đình ông T đã quản lý, sử dụng ổn định, trồng hàng rào gai từ những năm 1990.

[2] Về sự gia tăng diện tích đất ông T sử dụng: Ông K cho rằng ngôi mộ được phản ánh trong giấy mua bán đất đã bị di chuyển không còn nguyên; không nhất trí ranh giới là hàng rào gai vì trước đây bà H xin ông trồng cây gai lên đất của gia đình. Tuy nhiên, ông K không cung cấp được giấy tờ thỏa thuận với bà H cho trồng nhờ trên đất của ông, phần đất có ngôi mộ ông đang sử dụng, biên bản của UBND xã Cao C ngày 02/6/2009 thể hiện ông K biết việc bà H trồng hàng rào nhưng không phản đối. Thời điểm anh T chặt tre, san gạt ông K cũng không có tranh chấp; hàng cây sa mộc do ông trồng cũng ngang với hàng rào gai do mẹ anh T trồng, Cũng không có tài liệu nào thể hiện trước khi cho trồng hàng rào gai thì mốc giới đất của ông K đến đâu. Hiện nay ông K cũng chưa được cấp GCNQSD đất đối với diện tích 131m^2 đất ở giáp đất anh T. Việc ông K trồng cây sa mộc xen kẽ hàng rào gai của gia đình anh T từ những năm 1990 được coi là sự thừa nhận ranh giới giữa hai thửa đất.

Theo đại diện phòng tài nguyên và môi trường thì việc cấp GCNQSD đất từ năm 2004 đến nay có thể có sự biến động diện tích từ việc san gạt đất của gia đình ông T, do việc ông xây kè và san gạt xung quanh thửa đất phần giáp đường đi Lưu Ngọc; sự gia tăng diện tích do sai số vì thời điểm đó chưa có các phương tiện máy móc hiện đại khi đo đạc. Thực tế ông T có chặt bỏ 03 bụi tre, san gạt mặt bằng nhưng ranh giới là hàng rào gai, hàng cây sa mộc ông K trồng xen vào hàng rào gai, hào đất vẫn tồn tại. Do đó, việc ông K cho rằng diện tích đất ông T sử dụng nhiều hơn GCNQSD đất được cấp là do ông T xóa bỏ mốc giới, sự gia tăng diện tích đất của ông T so với GCNQSD đất một phần do ông tự cắm mốc giới để xác định anh T lấn đất của ông là không đủ căn cứ chấp nhận.

[3]. Về việc kê khai xin cấp GCNQSD đất của gia đình ông T: Hồ sơ kê khai xin cấp GCNQSD đất của gia đình ông T tại thời điểm năm 2004 không có giấy tờ mua bán đất Kéo Nạc, và khai nguồn gốc là thừa kế là chưa chính xác, hồ sơ chưa đúng quy định của pháp luật nhưng quá trình quản lý, sử dụng của gia đình ông T ổn định và không vi phạm quy hoạch, chính ông K cũng thừa nhận nguồn gốc đất do bố anh T mua nên cho đến nay, GCNQSD đất cấp cho bà H mẹ anh T vẫn có giá trị pháp lý. Thực tế gia đình anh đã được sử dụng tăng thêm so với GCNQSD đất khi kê khai là 184,7m nhưng được UBND và các cơ quan xác nhận sử dụng trong ranh giới nên không vi phạm pháp luật.

Án sơ thẩm bác yêu cầu phản tố đòi 318,5m^2 đất của ông K và công nhận quyền sử dụng phần đất từ hàng rào gai trở xuống dưới cho ông T là phù hợp với thực tế.

Ông K không chứng minh được gia đình anh T lấn đất, không thực hiện nghĩa vụ kê khai và chưa được cấp GCNQSD đất đối với ngôi nhà và phần đất giáp ranh với đất anh T nên kháng cáo của ông đòi anh T trả lại 107.1m^2 đất không có cơ sở chấp nhận.

Tòa án cấp phúc thẩm cũng đã giải thích và vận động hai bên đương sự thỏa thuận với nhau nhưng hai bên không thỏa thuận được do vậy không có căn cứ giải quyết quyền lợi cho ông K như ông đề nghị.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Anh T khởi kiện yêu cầu ông K trả 140m^2 đất và giữ nguyên trạng phần đất của gia đình anh từ gốc cây xoan, bờ rào theo rãnh mương tại thửa 205, bồi thường thiệt hại do ông K gây ra. Bản án tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T đòi lại 131, 6m^2 đất ông K đang quản lý, sử dụng là phù hợp nhưng đối với yêu cầu giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất bản án chỉ tuyên là xác nhận anh T được sử dụng hợp pháp diện tích theo hiện trạng tại hai thửa 202, 205 là không đúng mà phải tuyên là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về việc giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất thì mới chính xác nên cần sửa phần quyết định của bản án về câu chữ.

Các quyết định khác của ban án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Linh Văn K. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DSST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân Huyện X.

Áp dụng các Điều 100, 101, khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Quốc T đòi ông Linh Văn K phải trả lại diện tích đất 131,6m².

2. Không chấp nhận đơn phản tố của ông Linh Văn K yêu cầu ông Triệu Quốc T trả lại diện tích đất là 318,5m².

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Triệu Quốc T về việc giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất, anh T được sử dụng diện tích theo hiện trạng hai thửa đất số 202, 205 tờ bản đồ số 4 theo GCNQSD đất số Y210597 ngày 18/11/2004 do UBND Huyện X cấp cho hộ (bà) Hoàng Thị H và diện tích tăng thêm so với GCNQSD đất là 184,5m².

Vị trí, hiện trạng, số đo của hai thửa đất số 202 và 205 và diện tích đất tăng thêm được thể hiện trong biên bản thẩm định có trích đo địa chính thửa đất tranh chấp ngày 18/8/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Cao Bằng cung cấp và được ban hành kèm theo bản án.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

5. Ông Linh Văn K phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Xác nhận ông K đã nộp 200.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2011/02120 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, ông K còn phải nộp 100.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- CCTHADS huyện X;
- TAND huyện X;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Hợp